TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 339/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Ông Cao Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2022/QĐXX-KDTM, ngày 07 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 429/2022/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty CP xuất nhập khẩu STN**

Trụ sở: Số 934 D3, đường D, Cụm 2 KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ D

(Theo Giấy ủy quyền số 97/2021/UQ – NTS ngày 31/3/2021)

Bị đơn: **Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT**

Trụ sở: Tầng 3 tòa nhà X, số Y Đê La Thành, quận Z, thành phố Hà Nội.

Đại diện pháp luật: ông Hồ Hồng H

Địa chỉ: Số M phố N, phường O, quận Z, thành phố Hà Nội.

(Bà D có mặt, Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn là Công ty CP xuất nhập khẩu STN có Bà Nguyễn Thị Mỹ D đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 24/10/2020, Công ty CP xuất nhập khẩu STN (sau đây gọi tắt là Công ty STN) và Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT (sau đây gọi tắt là Công ty CT) có ký hợp đồng mua bán số 36/HĐMB/2020 – K về mặt hàng găng tay Nitrile không bột, với nội dung Công ty CT cung cấp Găng tay y tế Nitrile cho Công ty STN, tổng giá trị hợp đồng là 4.976.400.000 (bốn tỉ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn) đồng, số lượng 3.000 (ba ngàn) thùng. Theo đó, Công ty CT phải giao hàng cho Công ty STN trong vòng 20 ngày kể từ ký hợp đồng và ngày đặt cọc hợp đồng, địa điểm giao hàng tại Kho nhà máy Nam Long, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty STN đã đặt cọc cho Công ty CT số tiền cọc 2.488.200.000 (hai tỉ, bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm ngàn) đồng tương ứng với 50% giá trị hợp đồng, 50% giá trị hợp đồng còn lại Công ty STN sẽ thanh toán khi nhận hàng. Tuy nhiên cho đến ngày 27/11/2020, Công ty CT mới chỉ giao được 50 thùng hàng, tương ứng với số tiền 82.940.000 (tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi ngàn) đồng. Số hàng còn lại 2.950 thùng Công ty CT không giao hàng và cũng không trả lại tiền cọc cho Công ty STN. Công ty STN đã nhiều lần gửi yêu cầu thanh toán và đối chiếu công nợ nhưng không liên hệ được với Công ty CT. Căn cứ theo khoản 5 Điều 2 của Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết thì "Trong trường hợp bên B không giao hàng cho bên A theo đúng thời hạn trên thì bên B sẽ phải trả lại số tiền đặt cọc cho bên A trong vòng 03 ngày làm việc và bị phạt số tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng, tương đương mức phạt 1% x số ngày trễ hạn x giá trị lô hàng giao trễ..". Công ty STN đã nhiều lần gọi điện, gửi mail yêu cầu Công ty CT thanh toán dứt điểm số tiền nợ trên nhưng Công ty CT không thực hiện, nay Công ty STN khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty CT phải trả số tiền cọc sau khi trừ đi số tiền hàng đã nhận là 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng và tiền phạt chậm giao hàng tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 5.872.152.000 (năm tỉ, tám trăm bảy mươi hai triệu, một trăm năm mươi hai ngàn) đồng, tổng cộng là 8.277.412.000 (tám tỉ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm mười hai ngàn) đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của tòa có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty STN có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi phạt như sau: (2.488.200.000 đồng - 82.940.000 đồng) x 8% = 192.420.800 (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm) đồng.

Tổng cộng là 2.597.680.800 (hai tỉ, năm trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, tám trăm) đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Đại diện Công ty STN giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty CT phải hoàn trả số tiền cọc 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Công ty STN vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phạt chậm giao hàng. Công ty STN chỉ yêu cầu số tiền phạt là 192.420.800 (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm) đồng.

Tổng cộng là 2.597.680.800 (hai tỉ, năm trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, tám trăm) đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của tòa có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Công ty Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu Công ty CT phải hoàn trả số tiền cọc 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng có cơ sở chấp nhận, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng 192.420.800 đồng phù hợp với quy định tại Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 nên đề nghị chấp yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Công ty STN và Công ty CT là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo Điều 6 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 36/HĐMB/2020

– K ngày 24/10/2020 thỏa thuận: *"Trong trường hợp các bên không thể giải quyết bằng đàm phán, thương lượng thì tranh chấp thì tranh chấp sẽ được hai bên đề nghị Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết"* nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, đăng ký lần đầu ngày 06/12/2012 thì Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT có trụ sở: Tầng 3 tòa nhà X, số Y Đê La Thành, quận Z, thành phố Hà Nội, người đại diện pháp luật: Ông Hồ Hồng H. Theo kết quả xác minh của Công an phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cho biết*: "Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT không thực tế hoạt động, không treo bảng hiệu, không có nhân viên làm việc tại Tầng 3 tòa nhà X, số Y Đê La Thành, quận Z, thành phố Hà Nội"*. Theo kết quả xác minh của Công an phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cho biết*: "Ông Hồ Hồng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 05 phố 224, phường Văn Miếu, quận Z, thành phố Hà Nội, hiện nay ông H đã bán nhà từ năm 2008 và đi đâu không rõ"*.

Do không thể tống đạt trực tiếp được và việc niêm yết công khai không đảm bảo nên phía Công ty STN có yêu cầu đăng thông tin triệu tập lên phương tiện thông tin, đại chúng cho Công ty CT và đại diện pháp luật là ông Hồ Hồng Htheo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

Đăng trên báo Pháp luật Việt Nam 03 (ba) số liên tiếp ngày 17; 18; 19/12/2021, đăng trên Đài tiếng nói Việt Nam các ngày 27; 28; 29/12/2021 và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nội dung: *"Thông báo cho Công ty CT và đại diện pháp luật là ông Hồ Hồng Hcó mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức vào lúc 09 giờ ngày 03/01/2022 để cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có mặt lúc 09 giờ ngày 07/01/2022 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt lúc 09 giờ ngày 24/01/2021 để tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ 1, có mặt lúc 09 giờ ngày 28/01/2021 để tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ 2"*. Trong tất cả các lần thông báo nêu trên, đại diện Công ty CT đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt Công ty CT.

[3] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu công ty CT phải hoàn trả số tiền 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng như sau:

Công ty CP xuất nhập khẩu STN hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0301482452 đăng ký lần đầu ngày 07/11/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 24/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, có mã số doanh nghiệp 0106054326 đăng ký lần đầu ngày 06/12/2012, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 02/8/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 24/10/2020, Công ty STN và Công ty CT ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 36/HĐMB/2020 – K, nội dung của hợp đồng là Công ty CT cung cấp sản phẩm găng tay cao su Nitrile Kichy cho Công ty STN, số lượng 3.000 thùng, giá trị hợp đồng là 4.976.400.000 (bốn tỉ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn) đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và đặt cọc hợp đồng phía Công ty CT sẽ giao hàng một lần cho Công ty STN, địa điểm giao hàng tại Kho nhà máy Nam Long, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, hợp đồng được ký là phù hợp với chức năng ngành nghề đăng ký kinh doanh của cả hai bên, nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ hợp đồng trên, Công ty STN đã thực hiện thanh toán tiền cọc bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty CT tương ứng 50% giá trị hợp đồng số tiền là 2.488.200.000 (hai tỉ, bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm ngàn) đồng thể hiện tại các Giấy báo nợ ngày 27/10/2021 và ngày 19/10/2020. Ngày 27/11/2020 Công ty CT mới giao được 50 thùng hàng tương ứng với số tiền 82.940.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng: *"Thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và đặt cọc hợp đồng phía Công ty CT sẽ giao hàng một lần cho Công ty STN, địa điểm giao hàng tại Kho nhà máy Nam Long, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, tổng số lượng hàng hóa được giao là 3.000 thùng"*.

Ngày 15/01/2021 Công ty STN có Thư mời về việc xử lý công nợ đối với Công ty CT. Tuy nhiên Công ty CT không có phản hồi gì.

Do Công ty CT không chấp hành yêu cầu triệu tập tham gia phiên tòa và cũng không có lời khai nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét lời khai và chứng cứ do phía Công ty STN cung cấp. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ trên cho thấy Công ty CT đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng đối với Công ty STN. Theo thỏa thuận tại Điều 3 hợp đồng nói trên thời gian thực hiện trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng 24/10/2020 Công ty CT phải có nghĩa vụ giao đủ số lượng 3.000 thùng găng tay cao su cho Công ty STN nhưng đến ngày 27/11/2020 Công ty CT mới chỉ giao 50 thùng, như vậy Công ty CT đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận của hợp đồng. Mặc dù

Công ty STN có Thư mời về việc xử lý công nợ đối với Công ty CT nhưng đến nay Công ty CT không có phản hồi gì nên Công ty STN khởi kiện yêu cầu công ty CT phải hoàn trả số tiền 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng là số tiền phía Công ty STN đã thanh toán cho Công ty CT sau khi trừ đi 50 thùng hàng tương ứng với số tiền 82.940.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc Công ty CT phải thanh toán cho Công ty STN tiền phạt chậm giao hàng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo thỏa thuận tại Điều 5.2 của hợp đồng: *"Trường hợp bên B không giao hàng cho bên A theo đúng thời hạn trên thì bên B sẽ phải trả lại số tiền đặt cọc cho bên A trong vòng 03 ngày làm việc và bị phạt số tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng, tương đương mức phạt 1% x số ngày trễ hạn x giá trị lô hàng giao trễ"*. Đối chiếu theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm"*. Như vậy theo thỏa thuận trong hợp đồng các bên thỏa thuận mức phạt vượt quá quy định tại Điều 301 Luật Thương mại, do đó cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Số tiền phạt được xác định như sau: (2.488.200.000 đồng - 82.940.000 đồng) x 8% = 192.420.800 (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm) đồng. Theo đơn rút một phần đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện Công ty STN tại phiên tòa, Công ty STN đã điều chỉnh lại mức phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 301 Luật Thương mại, số tiền phạt vi phạm hợp đồng mà Công ty CT phải trả là 192.420.800 (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm) đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty CT phải thanh toán cho Công ty STN là: 2.597.680.800 (hai tỉ, năm trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, tám trăm) đồng, trong đó số tiền đặt cọc sau khi trừ 50 thùng hàng đã nhận là 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 192.420.800 (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng: 5.872.152.000 đồng – 192.420.800 = 5.679.731.200 (năm tỉ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi mốt ngàn, hai trăm) đồng.

[3.3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty STN được chấp nhận nên Công ty CT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thông báo các văn bản tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50; 55; 301 Luật thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty CP xuất nhập khẩu STN:

Buộc Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT phải trả số tiền là 2.597.680.800 (hai tỉ, năm trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ngàn, tám trăm), trong đó số tiền đặt cọc là 2.405.260.000 (hai tỉ, bốn trăm lẻ năm triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 192.420.800 (một trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty CP xuất nhập khẩu STN đối với yêu cầu tính tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.679.731.200 (năm tỉ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi mốt ngàn, hai trăm) đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty CP xuất nhập khẩu STN có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường CT phải chịu án phí là 83.953.616 (tám mươi ba triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, sáu trăm mười sáu) đồng.

Hoàn trả cho Công ty CP xuất nhập khẩu STN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.138.706 (năm mươi tám triệu, một trăm ba mươi tám ngàn, bảy

trăm lẻ sáu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0024079 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến